| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THANH THỦY**<br>**TỈNH PHÚ THỌ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| | *Thanh Thủy, ngày 03 tháng 3 năm 2023* |

Số: 17 /2023/ QĐST - HNGĐ

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
# VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án thụ lý số: 09/2023/TLST – HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Văn S, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Thôn H (đội 10), xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa;

- Bị đơn: Lê Thị L, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Khu 6, xã T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 – Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 02 năm 2023.

## XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 02 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

Anh Phạm Văn S và chị Lê Thị L.

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về con chung: Anh Phạm Văn S và chị Lê Thị L thống nhất xác nhận vợ chồng có 02 con chung là các cháu: Phạm Chấn D – Sinh ngày 13/11/2008 và cháu Phạm Phương U – Sinh ngày 06/8/2013. Hiện nay cả hai con chung đang sống cùng chị L. Ly hôn hai bên thống nhất tự nguyện thỏa thuận: Giao cho chị L được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là cháu

D và cháu U đến khi các con chung thành niên, anh Sách không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị L không yêu cầu. Sau khi ly hôn, anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay, công sức đóng góp: Anh Phạm Văn S và chị Lê Thị L đều khẳng định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Phạm Văn S tự nguyện nhận nộp toàn bộ 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Xác nhận anh S đã nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2020/0006155 ngày 02/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy. Hoàn trả lại cho anh S số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

**3**. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4**. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 – Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a và 9 – Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 – Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKS huyện;
- Chi cục THADS huyện
- UBND xã T
- Lưu HSVA.

**Thẩm phán**

**Đã ký**

**Phạm Thị Hồng**